

Điện Biên, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Số: 102 /KH-VPĐP

KẾ HOẠCH
Làm việc tại các huyện: Điện Biên Đông và Mường Ảng

Thực hiện Văn bản số 292/BCĐ-KTN ngày 11/02/2020 về việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Để đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng và giải ngân nguồn được giao trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại các huyện giai đoạn 2016-2020. Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới xây dựng Kế hoạch làm việc tại các địa phương với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm tra kết quả thực hiện cam kết giữa UBND các huyện với Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh về kết quả xây dựng nông thôn mới đến hết năm 2020.

- Kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện thời gian tới; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị nhằm thực hiện đạt mục tiêu đã đề ra.

- Kiểm tra công tác lập thủ tục đầu tư, tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Yêu cầu các địa phương báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới; các danh mục đã đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Yêu cầu

- Thông qua Chương trình kiểm tra, làm việc phải nắm bắt, đánh giá phản ánh được đúng thực tế tình hình, kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Các địa phương phối hợp chặt chẽ với Đoàn công tác của Văn phòng điều phối trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch, bố trí thời gian, nhân sự, địa điểm, chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn công tác theo Đề cương báo cáo.

- Kết thúc Chương trình, Đoàn công tác có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả làm việc, kiến nghị cấp có thẩm quyền những nội dung địa phương đề xuất.

- Các địa phương, đơn vị liên quan chuẩn bị đầy đủ các nội dung, hồ sơ liên quan để phục vụ kiểm tra.

II. NỘI DUNG

1. Làm việc với Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã

- Kết quả phân bổ và thực hiện các nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2016-2019 và kế hoạch thực hiện nguồn vốn năm 2020 (*Nguồn vốn trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới*).

- Công tác lập hồ sơ, trình tự thủ tục đầu tư xây dựng, quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình nông thôn mới và tiến độ giải ngân vốn năm 2020.

- Kiểm tra thực tế một số công trình/dự án được thực hiện trong giai đoạn năm 2016-2020 về hiệu quả đầu tư và sử dụng công trình, công tác bàn giao quản lý và sử dụng (*nội dung kiểm tra về hỗ trợ phát triển sản xuất, làm nhà tiêu hợp vệ sinh, xây dựng đài phát thanh – truyền thanh xã*).

2. Làm việc với Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành của huyện về Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019 và năm 2020.

- Kết quả phân bổ và thực hiện các nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM năm 2019 (*Nguồn vốn trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới*).

- Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (tính đến 31/7/2020); Tiến độ thực hiện Cam kết giữa UBND huyện với Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh.

- Kết quả phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia NTM năm 2020 theo Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020.

- Báo cáo công tác kiểm tra, đánh giá Chương trình hàng năm.

(Theo đề cương báo cáo đính kèm)

3. Báo cáo của UBND huyện, xã gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh trước ngày 21/8/2020

III. PHẠM VI KIỂM TRA

Tất cả các xã thuộc huyện: Điện Biên Đông, Mường Ảng.

IV. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Đoàn công tác của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh

- Phó Chánh thường trực Văn phòng điều phối nông thôn mới.

- Chuyên viên Văn phòng điều phối nông thôn mới.

- Chuyên viên các Sở: Xây dựng, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Thành phần kiểm tra thực địa và làm việc tại các xã

- Lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện.

- Đại diện Ban chỉ đạo, Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới cấp xã, cán bộ công chức phụ trách nông thôn mới và các mô hình, dự án trên địa bàn xã.

V. QUY TRÌNH, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA

1. Quy trình kiểm tra

Đoàn kiểm tra làm việc với các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã; theo đó, các xã và cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới; Các văn bản chỉ đạo, điều hành của huyện, xã về Chương trình xây dựng NTM năm 2019, 2020; Kết quả phân bổ và thực hiện các nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2016-2019, kế hoạch năm 2020 đầu tư xây dựng Đài phát thanh - truyền thanh xã và hỗ trợ phát triển sản xuất, làm nhà tiêu hợp vệ sinh.

2. Thời gian, địa điểm làm việc: Dự kiến từ ngày 27/8/2020 đến ngày 15/9/2020 (*lịch kiểm tra cụ thể sẽ thông báo sau*).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh

- Bố trí phương tiện và các điều kiện cần thiết phục vụ Đoàn công tác; Thanh toán chế độ công tác phí cho Đoàn công tác theo quy định hiện hành.

- Kết thúc đợt kiểm tra, chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả, đề xuất hướng xử lý, giải pháp thực hiện trong thời gian tới gửi Ban chỉ đạo tỉnh.

2. Các Sở: Xây dựng, Tài Chính, Kế hoạch Đầu tư, Y tế, Thông tin và Truyền thông

Căn cứ nội dung Kế hoạch công tác được duyệt, bố trí cử cán bộ tham gia Đoàn công tác của Văn phòng Điều phối nông thôn mới (*gửi Danh sách cán bộ tham gia về Văn phòng Điều phối nông thôn mới trước ngày 20/8/2020*).

3. Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện

- Chuẩn bị Báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện theo các nội dung nêu trên; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

- Chỉ đạo các xã được kiểm tra báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện đến hết ngày 31/7/2020; giải pháp thực hiện của từng xã để bảo đảm đạt chuẩn các tiêu chí theo đúng lộ trình đề ra, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch làm việc về công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đề nghị Văn phòng điều phối nông thôn mới các huyện, Ban chỉ đạo, Ban quản lý nông thôn mới các xã được kiểm tra chuẩn bị nội dung báo cáo, bố trí người, địa điểm và thời gian làm việc với Đoàn công tác./. *✓*

(*Thông tin chi tiết liên hệ: Đ/c Hà Mạnh Thắng - SĐT: 0915.177.936*)

Nơi nhận:

- Các Sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông; Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư;
- Chánh văn phòng điều phối NTM (b/c);
- Ban Chỉ đạo và VP ĐP NTM các huyện: Điện Biên Đông, Mường Ảng;
- UBND các xã làm việc;
- Lưu: VP.



Nguyễn Thanh Bình

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO KIỂM TRA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 102 /KH-VPĐP ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Điện Biên)

A. Cấp huyện

I. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

1. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm năm 2020 (*tính đến 31/7/2020*); Tiến độ thực hiện Cam kết giữa UBND huyện với Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh.

2. Báo cáo công tác kiểm tra, đánh giá Chương trình hàng năm.

II. Kết quả phân bổ thực hiện nguồn vốn chương trình xây dựng NTM

1. Kết quả phân bổ và thực hiện các nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM (*Nguồn vốn sự nghiệp trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*).

2. Báo cáo nội dung sử dụng nguồn kinh phí quản lý cấp cho Ban chỉ đạo huyện giai đoạn 2016-2020.

3. Tổng hợp các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: tên mô hình, quy mô, số hộ tham gia; hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh và Đài phát thanh – truyền thanh xã, thực hiện giai đoạn 2016- 2020 (*theo mẫu biểu kèm theo*).

4. Quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, các dự án hỗ trợ làm nhà tiêu HVS, xây dựng Đài phát thanh-truyền thanh xã.

III. Kế hoạch Chương trình xây dựng NTM năm 2020

1. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2020.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành đối với các xã lựa chọn cơ bản hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTM (15-18 tiêu chí) năm 2020.

3. Kết quả phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia NTM năm 2020 theo Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020.

IV. Đề xuất và kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ ngành trung ương, UBND tỉnh.

B. Cấp xã

I. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

1. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn xã năm 2020 (*tính đến 31/7/2020*).

2. Kết quả thực hiện các nguồn vốn Sự nghiệp thực hiện Chương trình xây dựng NTM Giai đoạn 2016-2020;

3. Thực hiện kế hoạch vốn năm 2020 (*Nguồn vốn sự nghiệp trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới*).

4. Báo cáo công tác kiểm tra, đánh giá Chương trình hàng năm.

II. Kết quả phân bổ thực hiện nguồn vốn chương trình xây dựng NTM

1. Kết quả phân bổ và thực hiện các nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM (*Nguồn vốn sự nghiệp trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*).

2. Báo cáo nội dung sử dụng nguồn kinh phí quản lý cấp cho Ban chỉ đạo xã giai đoạn 2016-2020.

3. Tổng hợp các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: tên mô hình, quy mô, số hộ tham gia; hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh và Đài phát thanh – truyền thanh xã, thực hiện giai đoạn 2016- 2020. (*theo mẫu biểu kèm theo*).

4. Quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, các dự án hỗ trợ làm nhà tiêu HVS, xây dựng đài phát thanh-truyền thanh xã.

(*Chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án đầu tư công trình hạ tầng và các văn bản liên quan*).

III. Kế hoạch Chương trình xây dựng NTM năm 2020

1. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2020.

2. Kế hoạch thực hiện nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia NTM năm 2020 được UBND huyện giao.

IV. Đề xuất và kiến nghị với Ban chỉ đạo tỉnh, huyện

[illegible]

Tổng hợp kết quả phân bổ nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ trực tiếp của Chương xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2019 và 2020 của huyện....

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-VPĐP ngày tháng năm 2020 của Văn phòng điều phối NTM tỉnh Điện Biên)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN 31/6/2020 của xã...,huyện....
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-VPĐP ngày tháng năm 2020 của Văn phòng điều phối NTM tỉnh Điện Biên)

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Xã A	Xã B		Ghi chú
				Xã 135 [4]	Xã còn lại				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Tổng tiêu chí đạt được							
I. QUY HOẠCH									
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã[1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt				
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt				
		Kết quả thực hiện							
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI									
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa. đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%				
		2.2. Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm							
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	85%	80%	90%				
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa	45%	≥40%	≥50%				
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	Đạt	Đạt				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt	Đạt	Đạt				
		Kết quả thực hiện							
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động							
		3.1.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất lúa 2 vụ được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ	≥75%	≥70%	≥80%				
		3.1.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất lúa 1 vụ được tưới chủ động đạt tỷ lệ	≥40%	≥40%	≥40%				
		3.1.3. Tỷ lệ đất nương, đất bãi phải có bờ hoặc thành ruộng cận đạt tỷ lệ	≥60%	≥60%	≥60%				
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng	Đạt	Đạt	Đạt				
		Kết quả thực hiện							
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt				
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	≥95%	≥95%				
		Kết quả thực hiện							

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Xã A	Xã B		Ghi chú
				Xã 135 [4]	Xã còn lại				
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥70%	≥70%	≥70%				
		Kết quả thực hiện							
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng một trong các yêu cầu							
		I. Đối với các xã xây dựng mới Cơ sở vật chất văn hóa							
		6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt				
		6.1.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của khu vực	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Có diện tích đất quy hoạch.	≥300m ²	≥300m ²	≥300m ²				
		- Có đủ phòng chức năng theo quy định (phòng hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; hoặc tập các môn thể thao đơn giản)	3 - 4 phòng	3 phòng	4 phòng				
		- Đảm bảo chỗ ngồi tối thiểu theo quy định vùng.	125 chỗ ngồi	100 chỗ ngồi	150 chỗ ngồi				
		- Đảm bảo trang thiết bị hoạt động (bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình TDTT và các môn thể thao của từng xã)	Đạt	Đạt 80%	Đạt				
		- Có cán bộ quản lý nhà văn hóa.	Đạt	Đạt	Đạt				
		6.1.2. Khu thể thao (chưa tính sân vận động) đạt chỉ tiêu theo vùng [5]	≥1200m ²	≥500m ²	≥1200m ²				
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Diện tích điểm vui chơi, giải trí và thể thao.	≥300m ²	≥300m ²	≥300m ²				
		- Đảm bảo các trang thiết bị hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Đạt	Đạt	Đạt				
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản và liên thôn bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%				
		II. Đối với các xã sử dụng cơ sở vật chất văn hóa hiện có							
		Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như hội trường, trung tâm học tập cộng đồng, đình làng, nhà văn hóa liên thôn, bản để sinh hoạt văn hóa vẫn được tính đạt tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa.	Đạt	Đạt	Đạt				

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Xã A	Xã B		Ghi chú
				Xã 135 [4]	Xã còn lại				
		Kết quả thực hiện							
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	I. Đối với xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:							
		1. Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng chỉ tiêu sau:	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Chợ phải Có trong quy hoạch được cấp Có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Về diện tích, mặt bằng chợ: có mặt bằng chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ (bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ tối thiểu tại chợ; diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m ²)	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Nhà chợ chính phải bảo đảm kiên cố hoặc bán kiên cố.	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Các hạng mục phụ trợ và kỹ thuật công trình đảm bảo theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt				
		- Điều hành quản lý chợ đảm bảo theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt				
		2. Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt				
		2.1. Siêu thị mini đạt chuẩn. Có diện tích kinh doanh từ 200m ² và có bãi để xe với quy mô phù hợp; danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên	Đạt	Đạt	Đạt				
		2.2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m ² trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp; danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên	Đạt	Đạt	Đạt				
		II. Đối với xã chưa có hoặc không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Xã có quy hoạch cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng hoặc xã không có trong quy hoạch cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thì sẽ không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Việc xem xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới.	-	-	-				
		Kết quả thực hiện							
8	Thông tin và Truyền	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt				
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt				
		8.3. Xã có đài truyền thanh và đạt tỷ lệ hệ thống loa đến các thôn	≥70%	≥60%	≥80%				

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Xã A	Xã B		Ghi chú
				Xã 135 [4]	Xã còn lại				
	thông	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt				
		Kết quả thực hiện							
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không				
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥75%	≥75%	≥75%				
		Kết quả thực hiện							
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT									
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm):							
		Năm 2017 (triệu đồng/người)	≥26	≥26	≥26				
		Năm 2018 (triệu đồng/người)	≥30	≥30	≥30				
		Năm 2019 (triệu đồng/người)	≥33	≥33	≥33				
		Năm 2020 (triệu đồng/người)	≥36	≥36	≥36				
		Kết quả thực hiện							
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤12%	≤12%	≤12%				
		Kết quả thực hiện							
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	≥90%	≥90%				
		Kết quả thực hiện							
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt				
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt				
		Kết quả thực hiện							
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG									
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt				
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%	≥70%	≥70%				
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%	≥25%	≥25%				
		Kết quả thực hiện							
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	≥85%	≥85%				
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt				
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,7%	≤26,7%	≤26,7%				
		Kết quả thực hiện							
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	≥70%	≥70%				
		Kết quả thực hiện							

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Xã A	Xã B		Ghi chú
				Xã 135 [4]	Xã còn lại				
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90%	≥90%	≥90%				
			(≥50% nước sạch)	(≥50% nước sạch)	(≥50% nước sạch)				
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%				
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt				
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc.	Đạt	Đạt	Đạt				
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt				
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch[3]	≥70%	≥70%	≥70%				
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo VSMT	≥60%	≥60%	≥60%				
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP;	100%	100%	100%				
Kết quả thực hiện									
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ									
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt				
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt				
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt				
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%				
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt				
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt				
		Kết quả thực hiện							
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt				
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt				

Ghi chú: theo QĐ 455/QĐ-UBND tỉnh Điện Biên ngày 25/5/2017